CÔNG TY TNHH PHILIPS VIỆT NAM
1B, Lầu 12, Tòa nhà A&B, 76A Lê Lai, P.Bến Thành, Quận 1, TP.HCM
Tổng đài hỗ trợ KH: 1800 5999 88
Website: www.philips.com.vn

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN PHILIPS

Số 001 - 20200117

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
1	AT600/AT610/AT620/AT750/AT890	Adapter	Sạc Adapter	422203623771	230,000
2	AT610/620	Shaving heads (3 heads)	Dao cạo râu (3 lưỡi)	422203618431	470,000
3	AT720/AT730/AT750/AT753/AT890	Shaving heads (3 heads)	Lưỡi dao máy cạo râu (3 lưỡi)	422203625841	520,000
4	AT750	Shaving head	Dao cạo râu (bộ 3 lưỡi) - Lift and cut	422203618431	470,000
5	AT750	Holder assy	Vòng đệm giữ dao cạo râu	422203618581	80,000
6	AT750	Bracket assy	Chụp dao cạo râu 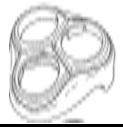	422203618641	100,000
7	AT890	Bracket	Chụp dao cạo râu	422203618621	100,000
8	AT890	Adapter	Sạc Adapter	422203624161	200,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
9	FC6404	Pad	Vải lau nhà	432200494312	180,000
10	FC6404/FC6168	Adaptor (25V)	Sạc Adapter (25V)	432200626611	350,000
11	FC6404/FC6168	Filter	Lọc bụi	432200494361	200,000
12	FC6404/FC6168	Brush	Trục chổi xoay trong bàn hút	432200427111	250,000
13	FC6404/FC6168	Dust separator	Phễu nhựa ngay hộp chứa bụi	432200538591	180,000
14	FC6721/FC6723/FC6728	Adaptor	Sạc 2 chấu	300000517601	450,000
15	FC8085	Plastic tube (2x)	Thanh nối (ống nối)	432200424461	130,000
16	FC8085	Hose assy handgrip (Robin)	ống	432200426071	250,000
17	FC8085	Crevice nozzle	Đầu hút khe	432200424481	50,000
18	FC8085	CJ nozzle D272 Tiger	Bàn hút sàn	432200425412	200,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
19	FC8670	2-Piece TT tube	Thanh nối (ống nối)	432200426501	270,000
20	FC8670	Handgrip hose assy Sirocco	ống	432200427521	320,000
21	FC8670/FC9351/FC9350	KC Crevice tool PH Con	Đầu hút khe	432200426541	50,000
22	FC8776/01	Adaptor	Sạc 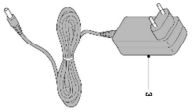	432200610341	620,000
23	FC8776/01	Docking	Đế sạc 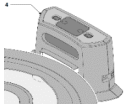	432200623111	840,000
24	FC8776/01	Brush (set)	Chổi quét máy hút bụi (cặp)	432200425961	370,000
25	FC8776/01	Inlet flter assy	Filte lọc bụi	432200533153	320,000
26	FC8792/01	Adaptor	Sạc 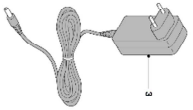	432200610401	350,000
27	FC8792/01	Docking	Đế sạc 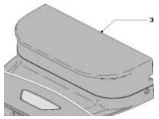	432200622101	520,000
28	FC8792/01	Dustbin	Hộc chứa bụi	432200538111	230,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
29	FC8792/01	Brush	Chổi quét máy hút bụi (cặp)	432200426752	130,000
30	FC8792/01	Filter castor	Lọc bụi trong hộc chứa bụi	432200494431	130,000
31	FC8792/01	Remote control	Điều khiển máy hút bụi	432200622202	180,000
32	FC9350/FC9351	Sponge filter	Tấm mút lọc bụi màu xanh 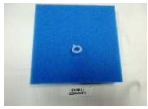	432200494471	100,000
33	FC9350/FC9351	Filter Hepa	Hepa lọc bụi ngay hộp bụi	432200538211	130,000
34	FC9350/FC9351	Exhaust filter	Hepa lọc bụi ngay dưới motor	432200494481	180,000
35	FC9350/FC9351	Hose assy	ống	432200538251	200,000
36	FC9350/FC9351	2-Piece TT tube	Thanh nối (ống nối)	432200426244	300,000
37	FC9728	Inlet flter assy	Filte lọc bụi 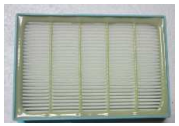	300001018621	250,000
38	FC9728	Hose Ergo grip RMC assy	ống	432200901081	860,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
39	FC9728	2 T.T. Tube	Thanh nối (ống nối)	432200424624	570,000
40	FC9728	Accessory holder assy 3	Đầu hút nhỏ	432200424651	250,000
41	FC9728	Tri-Active nozzle Smart lock	Bàn hút sàn	432200424743	540,000
42	FC9912	Filter casing assy	Filte lọc bụi	432200901131	450,000
43	FC9912	Exhaust foam	Mút chặn bụi	432200039691	80,000
44	FC9912	HEPA 13 Non-washable flter	Hepa lọc bụi	432200494131	250,000
45	FC9912	Tri-ActiveZ nozzle Smart lock	Bàn hút sàn	432200425801	620,000
46	FC9912	Accessory hold	Đầu hút nhỏ	432200424651	250,000
47	FC9912	2-P telescopic tube	Thanh nối (ống nối)	432200425841	860,000
48	FC9912	Hose curved bend RMC assy	ống	432200901151	1,400,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
49	GC2960	Inlay ASO assy	Tay cầm trên bàn ủi	423902162761	100,000
50	GC4918	Soleplate	Đế nhiệt	423902178891	810,000
51	GC504	Steamer head and hose pink	Tay cầm bàn ủi gồm ống dài (màu hồng)	996510067375	470,000
52	GC504	Water tank pink	Nút đậy bồn chứa nước bàn ủi (màu hồng)	996510067372	80,000
53	GC504	Water tank seal pink	Bồn chứa nước bàn ủi màu hồng (không gồm nắp nước)	996510067373	230,000
54	GC504	Steamer pole	Giá treo bàn ủi đứng	996510067363	300,000
55	GC506	Steamer pole	Giá treo bàn ủi đứng	996510067363	300,000
56	GC506	Steamer head and hose purple	Tay cầm bàn ủi gồm ống dài (màu tím)	996510067367	470,000
57	GC506	Pleat maker	Kẹp li	996510067347	80,000
58	GC506	Water tank	Bồn chứa nước (không kèm nắp đậy)	996510067362	230,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
59	GC506	Water tank seal	Nắp đậy bồn chứa nước (màu tím)	996510067352	80,000
60	GC507	Pole	Giá treo	996510075845	860,000
61	GC507	Hanger	Móc treo không gồm đầu treo	996510076474	470,000
62	GC507	Hanger head	Đầu móc treo	996510075837	130,000
63	GC514	Hanger	Móc treo	996510078207	100,000
64	GC514/GC518/GC524	Pole	Giá treo	996510078206	490,000
65	GC518	Hanger	Móc treo	996510078208	150,000
66	GC525	Glove	Bao tay bàn ủi đứng (chiếc)	423901711740	180,000
67	GC536	Pleat maker	Phụ kiện xếp ly	423902180121	200,000
68	GC536	Water tank	Bồn chứa nước bàn ủi	423902180071	350,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
69	GC536	Glove	Bao tay bàn ủi đứng (chiếc)	423901714891	130,000
70	GC536	Hanger	Móc treo	423902178511	300,000
71	GC536	Steamer hose	Ống hơi bàn ủi	423902175841	540,000
72	GC536	Steamer pole (set)	Giá treo (bộ)	423902183771	400,000
73	GC536	Steamer pole	Giá treo phần dưới	423902174241	200,000
74	GC536/GC568	Hanger	Móc treo	423902178512	300,000
75	GC558	Brush	Bàn chải kẹp li	996510077973	100,000
76	GC558	Hanger	Móc treo	996510078064	300,000
77	GC558/GC576	Pole	Thanh treo	996510078061	490,000
78	GC558/GC576	Board	Ván lót 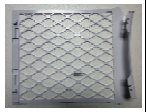	996510077971	300,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
79	GC558/GC576	Board cover	Vải bọc ván lót	996510077974	370,000
80	GC558/GC576	Glove	Bao tay	996510077972	100,000
81	GC558	Water tank	Bồn chứa nước gồm nắp 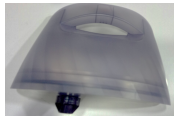	996510078971	200,000
82	GC568	Steam hose	Ống dẫn hơi	423902186022	640,000
83	GC568	Glove	Bao tay	424102052511	130,000
84	GC568	Pleat maker	Kẹp ly	423902184941	180,000
85	GC568	Pole	Giá treo	423902186091	400,000
86	GC576	Pleat maker	Kẹp li 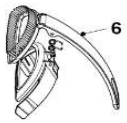	996510078367	180,000
87	GC576	Water tank	Bồn chứa nước gồm nắp	996510078976	200,000
88	HC1055	Cutter	Lưỡi dao máy cắt tóc	422203626981	200,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
89	HC1055	Adaptor	Sạc máy cắt tóc	422203626941	300,000
90	HD2072	Soyamilk cup	Ly đựng sữa	996510059531	200,000
91	HD2072	Soymilk cup handle	Tay cầm ly đựng nước máy xay đậu nành	996510048979	50,000
92	HD2072	Sieve	Lưới lọc máy xay đậu nành	996510060085	150,000
93	HD2103	Pole for spaying steam	Thanh định vị nắp thoát hơi nồi áp suất	996510052265	80,000
94	HD2103	Presser release valve	Van nồi áp suất	996510073316	180,000
95	HD2103/HD2136	Inner pan	Lòng nồi áp suất	996510058702	400,000
96	HD2136	Inner pan	Lòng nồi áp suất	996510052309	400,000
97	HD2136	Lid sealing ring	Ron nắp nồi áp suất	996510058686	150,000
98	HD2136	Rice spoon	Vá cơm nồi áp suất	996510050856	100,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
99	HD2136/2103	Float vavle	Van thoát hơi của nồi áp suất	996510052261	50,000
100	HD2137	Inner pot	Lòng nồi áp suất	996510058722	450,000
101	HD3017	Inner pot	Lòng nồi cơm điện	996510063038	400,000
102	HD3038	Inner pot	Lòng nồi cơm điện	996510057869	450,000
103	HD3077	Inner pot	Lòng nồi cơm điện	996510057836	450,000
104	HD3119	Inner pot	Lòng nồi cơm điện	996510078317	450,000
105	HD3128	Inner pot	Lòng nồi cơm điện 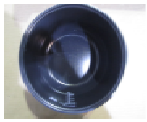	996510078301	540,000
106	HD3128	Rice spoon	Vá cơm nồi cơm điện	996510050856	100,000
107	HD3128/HD3132	Inner pot	Lòng nồi cơm điện	996510078301	540,000
108	HD3130	Inner pot	Lòng nồi cơm điện	996510057869	450,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
109	HD4513	Inner pot	Lòng nồi cơm điện	996510071071	320,000
110	HD4515	Inner pot	Lòng nồi cơm điện	996510072428	400,000
111	HD4911/00	Top ceramic plate	Mặt kính bếp từ tiếng Anh	996510063202	450,000
112	HD4911/00	Plate glass including cover	Mặt kính (gồm vỏ)	996510070803	520,000
113	HD4921	Top ceramic plate	Mặt kính bếp từ tiếng Anh	996510070624	520,000
114	HD4932	Top ceramic plate	Mặt kính bếp từ tiếng Anh	996510070804	520,000
115	HD6320	Grill plate	Vỉ nướng	420303602321	790,000
116	HD7447	Jug black	Ly cà phê nắp đen	996510073463	300,000
117	HD7447	Jug grey	Ly cà phê nắp xám	996510073462	300,000
118	HD7447	Filter basket	Lưới lọc (màu beige) 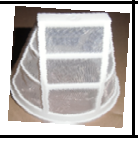	996510062235	130,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
119	HD9104	Cover white	Nắp nồi hấp	996510065828	180,000
120	HD9217/00	Basket	Rổ chiên (tay cầm màu đỏ)	420303616171	740,000
121	HD9217/00	Outer pan black	Lòng nồi chiên (trắng)	420303604861	860,000
122	HD9220/20	Basket holder black	Lòng nồi chiên (đen)	420303604841	860,000
123	HD9220/20	Basket black	Rổ chiên (màu đen)	420303604811	740,000
124	HD9220/20/HD9238	Basket holder black	Lòng nồi chiên (màu đen)	420303604841	860,000
125	HD9220/40	Basket holder beige	Lòng nồi chiên (trắng)	420303604851	860,000
126	HD9220/40	Basket	Rổ chiên (màu trắng)	420303604821	740,000
127	HD9238	Basket holder black	Lòng nồi chiên (đen)	420303604841	860,000
128	HD9238	QC Basket assy (red handle) without mesh, lid	Tay cầm nồi chiên (tay cầm màu đỏ)	420303609461	670,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
129	HD9238	Removable Lid	Lưới rổ chiên (màu đen)	420303607561	370,000
130	HD9303	Pot	Lòng bình	996510065787	590,000
131	HD9312	Handle cover	Tay cầm ngoài bình đun	996510066067	50,000
132	HD9312	Lower cover of lid	Nắp dưới bình đun (miếng nhựa vàng)	996510066064	100,000
133	HD9312	Lower cover of lid	Nắp dưới bình đun (miếng kim loại)	996510066059	130,000
134	HD9316	Handle cover	Tay cầm ngoài bình đun	996510066038	50,000
135	HD9316	Lower cover of lid	Nắp dưới bình đun	996510066017	100,000
136	HD9316	Pot	Lòng bình	996510060146	860,000
137	HD9643	Grill pan	Khay nướng	420303613831	470,000
138	HD9643	Outer pan black	Lòng nồi chiên (màu đen) (Từ số serial 1735 trở lên)	420303619721	960,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
139	HD9643	Mesh removable	Lưới đệm tháo rời	420303613161	400,000
140	HD9643	Basket without mesh	Rổ chiên (không gồm lưới đệm tháo rời, tay cầ	420303613111	490,000
141	HD9643	Handle back silver	Tay cầm màu đen bạc	420303613691	350,000
142	HL1643	Cap DC	Nắp phụ của ly trung	421504144169	50,000
143	HL1643	Collar assy	Đế ly	421504141855	230,000
144	Hl1643	Collar nut	Nắp chụp ốc vặn đế ly	421504150510	80,000
145	HL1643	Coupler Jar motor	Nhông máy/ly	421504152215	50,000
146	HL1643	Chutney Blade	Dao của ly sinh tố (2 cánh vuông)	421504151518	100,000
147	HL1643	Chutney Jar lid	Nắp ly xay khô không ron (ly nhỏ nhất)	421504144416	80,000
148	HL1643	Chutney Jar pot	Ly xay khô (chỉ có phần Inox)	421504141822	180,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
149	HL1643	Dome cap	Nắp phụ của ly sinh tố	421504144419	50,000
150	HL1643	Dome clip	Tay gài nắp/cái	421504144099	30,000
151	HL1643	Dome gasket	Ron nắp ly sinh tố	421504153201	80,000
152	HL1643	Dry blade	Dao của ly trung (4 cánh)	421504151512	150,000
153	HL1643	Dry Jar Lid	Nắp ly trung	421504144168	100,000
154	HL1643	Liquid jar dome	Nắp ly sinh tố	421504144110	250,000
155	HL1643	Mincing blade	Dao của ly xay khô (2 cánh xéo)	421504151515	80,000
156	HL1643	Rubber ring	Ron ly xay khô	421504153260	80,000
157	HL1643	SSSPINDLE	Trục dao	421504141812	80,000
158	HP6401/HP6540	Epihead Assy	Đầu dao nhổ lông	420303587680	420,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
159	HP6419/HP6549/HP6540	Epilation head	Đầu dao nhổ lông	420303587680	420,000
160	HR1364	Bowl and knife	Ly + dao xay thịt	420613661501	490,000
161	HR1364/HR1613/HR1610/HR1611	Blender Bar new	Thanh dao máy sinh tố cầm tay	420303595121	250,000
162	HR1366	Chopping Knife	Dao xay thịt máy sinh tố cầm tay	420303560440	230,000
163	HR1372	Beaker incl Lid	Ly sinh tố máy sinh tố cầm tay	420306566350	270,000
164	HR1372	Blender Bar 1 pcs	Thanh dao sinh tố cầm tay	420303584460	710,000
165	HR1372	Chopping Interface small New	Đế dao nhỏ máy sinh tố cầm tay	420303585610	200,000
166	HR1372	Chopping Knife large	Dao sinh tố cầm tay lớn	420303554100	270,000
167	HR1393	Blade unit	Dao xay thịt	420303601471	200,000
168	HR1393	Chopper Bowl	Ly xay thịt	420303601481	230,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
169	HR1393	Lid	Nắp	420303601461	80,000
170	HR1459/1456	Set strip beaters	Cặp que đánh trứng	482269040243	200,000
171	HR1459/1456	Set of dough hooks	Cặp que đánh bột	996510074049	200,000
172	HR1538	Beater	Que đánh trứng /cái	996510072832	200,000
173	HR1538	Agitator	Que đánh bột (01 que)	422244842682	130,000
174	HR1538	Agitator assy	Que đánh bột (01 que)	422245894574	150,000
175	HR1559	Strip beater (set)	Que đánh trứng/cặp	996510074938	200,000
176	HR1559	Hook	Que đánh bột/cặp	996510074942	180,000
177	HR1559	Bowl	Thố đánh trứng	996510074939	370,000
178	HR1559	Spatula	Dao trộn bằng nhựa	996510074941	130,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
179	HR1565	Bowl	Thố đánh trứng	420303584920	250,000
180	HR1565/1560	Wire Beaters	Que đánh trứng/cặp	420303588210	300,000
181	HR1600/1603/1625	Round beaker 05l	Ly sinh tố cầm tay	420303599641	150,000
182	HR1600/HR1603	Blender bar	Thanh dao máy sinh tố cầm tay	420303599621	270,000
183	HR1603/1607	Mini chopperblade unit	Dao xay thịt máy sinh tố cầm tay	420303599661	230,000
184	HR1603/1607	Whisk coupling	Trục thanh đánh trứng	420303599631	250,000
185	HR1603/HR1607	Mini chopper interface	Đế xay thịt (chopping)	420303599651	250,000
186	HR1603/HR1607/HR1613/HR1617	whisk	Que đánh trứng máy sinh tố cầm tay	420303595171	230,000
187	HR1607/1603	Mini chopper bowl	Ly xay thịt	420303615971	230,000
188	HR1607/1604	Blender Bar Metal	Thanh dao sinh tố cầm tay	420303600681	490,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
189	HR1613	Blender bar plastic	Thanh dao máy sinh tố cầm tay	420303595121	250,000
190	HR1613/34	Potato masher coupling unit	Trục đánh trứng	420303598331	320,000
191	HR1617	Blender bar metall	Thanh dao máy sinh tố cầm tay (trắng)	420303595131	450,000
192	HR1617	Blender bar metall	Thanh dao máy sinh tố cầm tay (đen)	420303596071	450,000
193	HR1617	mini chopper lid	Đế dao xay sinh tố cầm tay loại nhỏ	420303598811	250,000
194	HR1617	xl chopper blade unit	Dao xay sinh tố cầm tay loại lớn (đen)	420303606221	180,000
195	HR1617	xl chopper interface	Đế dao xay sinh tố cầm tay loại nhỏ (Đen)	420303598811	250,000
196	HR1617/1613	whisk coupling	Trục thanh đánh trứng (đen)	420303596081	250,000
197	HR1617/HR1613	whisk coupling	Trục thanh đánh trứng (trắng)	420303610391	270,000
198	HR1625	blender bar metall	Thanh dao máy sinh tố cầm tay	420303600701	490,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
199	HR1625	mini chopper coupling	Đế dao sinh tố cầm tay (nhỏ)	420303606171	250,000
200	HR1625	mini blade unit	Lưỡi dao cối xay thịt	420303606181	200,000
201	HR1625/1603/1607	whisk complete	Bộ trục thanh đánh trứng cầm tay	420303601031	350,000
202	HR1643/HR2642	xl chopper incl rubber ring	Ly xay thịt	420303607811	250,000
203	HR1643/HR2642	Blade	Dao xay thịt	420303607801	180,000
204	HR1643/HR2642	Whisk coupling unit	Vỏ thân trục đánh trứng	420303607771	200,000
205	HR1643/HR2642	Whisk	Que đánh trứng 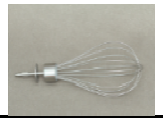	420303595171	230,000
206	HR1643	Whisk complete	Trục + que đánh trứng (bộ)	420303607761	370,000
207	HR1643/HR2642	XL Chopping	Đế xay thịt lớn	420303607791	270,000
208	HR1643/HR2642	Blender Bar	Thanh dao máy sinh tố cầm tay	420303617941	620,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
209	HR1791	jug	Ly sinh tố meca	420613657150	670,000
210	HR1810	lid	Nắp ép	420303585430	250,000
211	HR1810	Spout	Vòi ép 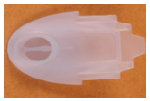	420303591681	100,000
212	HR1811	pusher	Thanh đẩy máy ép	420303600621	100,000
213	HR1811/1847	Pulp container	Khay chứa bã	420303599411	230,000
214	HR1811/1847	Jug lid	Nắp ly đựng nước ép	420303599421	80,000
215	HR1811/1847	Lid	Ly đựng nước ép	420303599431	200,000
216	HR1811/HR1847	Spout	Vòi ép	420303599341	80,000
217	HR1821/1843	sieve domestic appliances	Dao ép	420303585760	420,000
218	HR1823	pusher	Thanh đủn máy ép	420303597561	100,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
219	HR1823	sieve	Dao ép	420303597581	420,000
220	HR1823	spout	Vòi ép	420303597601	100,000
221	HR1823	locking latch(switch side)	Thanh gài máy ép	420303597611	80,000
222	HR1823	hinge	Chốt nhựa thanh gài máy ép	996500011775	80,000
223	HR1836	clamphinge lever	Thanh gài máy ép	420303610751	130,000
224	HR1836	pusher	Thanh đẩy	420303602641	130,000
225	HR1836	filter	Dao ép	420303602681	790,000
226	HR1836	Lid	Nắp ép	420303602651	270,000
227	HR1836	Pulp container	Khay chứa bã	420303602671	250,000
228	HR1836	Drip stop	Vòi ép	420303602701	180,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
229	HR1836	Juice collector	Khay dẫn nước (không kèm vòi)	420303602661	250,000
230	HR1843	blade base assy	Dao sinh tố	420303585690	250,000
231	HR1847	blender filter	Lọc sinh tố	420303555371	200,000
232	HR1847	clamp right incl connector	Thanh gài máy ép	420303555441	100,000
233	HR1847	coupling	Nhông máy	420303599441	200,000
234	HR1847	chopper	Dao xay khô (4 cánh)	420303599381	320,000
235	HR1847	chopper jar	Ly xay khô (lớn)	420303599371	230,000
236	HR1847	jar	Ly sinh tố	420303555401	250,000
237	HR1847	jar knife	Dao sinh tố	420303555411	350,000
238	HR1847	lid	Nắp lớn sinh tố	420303555391	100,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
239	HR1847	measuring cap	Nắp nhỏ ly sinh tố	420303555381	50,000
240	HR1847	Knife unit	Dao xay khô (2 cánh)	420303599361	300,000
241	HR1847	mill jar	Ly xay khô (nhỏ)	420303599351	230,000
242	HR1847	pusher	Thanh đủn máy ép	420303555361	100,000
243	HR1847	rubber sealing ring	Ron xay khô/ sinh tố	420303599391	80,000
244	HR1847	safety switch holder	Công tắc hành trình	420303599531	130,000
245	HR1847/1811	pulp container	Khay đựng xác máy ép	420303599411	230,000
246	Hr1847/HR1811	filter	Dao ép	420303599321	350,000
247	HR1847/HR1811	juice collector	Khay dẫn nước máy ép	420303599331	270,000
248	HR1847/HR1811	Lid	Nắp ép	420303599311	270,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
249	HR1855/1863	juice jug lid	Ly đựng nước ép	420303600831	200,000
250	HR1855/1863	driving shaft	Nhông máy ép	420303600841	200,000
251	HR1855/1863	filtersieve	Dao ép	420303600821	760,000
252	HR1855/HR1863	clamp hinge lever	Thanh gài máy ép	420303610711	130,000
253	HR1855/HR1863	lid	Nắp ép	420303600791	300,000
254	HR1855/HR1863	QC pusher assy black	Thanh đẩy máy ép trong suốt	420303609771	200,000
255	HR1855/HR1863	Pusher	Thanh đẩy máy ép (nhựa đen)	420303600781	180,000
256	HR1855/HR1863	Juicer jug lid	Ly chứa nước ép	420303600831	200,000
257	HR1861	filter	Dao máy ép	996500028693	590,000
258	HR1861/HR1865/HR1866	filter	Dao ép	996500028693	590,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
259	HR1863/1855	juice collectorspout	Khay dẫn nước máy ép	420303600801	250,000
260	HR1863/1855	lid	Nắp ép	420303600791	300,000
261	HR1863/1855	pulp container	Khay đựng xác	420303600811	250,000
262	HR1863/1855	juice jug lid	Ly đựng nước ép	420303600831	200,000
263	HR1869	integrated pulp container	Khay đựng xác máy ép	420303596751	250,000
264	HR1869	lid	Nắp ép	420303596731	400,000
265	HR1869	pusher	Thanh đẩy máy ép	420303608681	230,000
266	HR1869	spout accessory	Vòi ép	420303596771	200,000
267	HR1869	Spout	Vòi ép nhựa	420303596761	80,000
268	HR1897	Spoutdrip metal	Vòi ép có chữ Philips	420303612601	760,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
269	HR1897	Beaker incl Lid	Ly chứa nước ép	420303613851	200,000
270	HR1897	Pusher	thanh đẩy máy ép	420303611001	100,000
271	HR1897	Pulp outlet restriction rubber	chụp khóa phía sau trục	420303614041	270,000
272	HR1897	Filter	Lọc (nhựa)	4203 036 11061	80,000
273	HR1897	Pupl container	Hộc đựng xác	4203 036 13861	200,000
274	HR1897	Berry tray	khay để thực phẩm nhỏ	420303611011	130,000
275	HR1916	Lid	Nắp máy ép	420303614681	590,000
276	HR1916	Pulp container	Khay chứa bã	420303614731	400,000
277	HR1916	Blade	Dao máy ép	420303614711	1,520,000
278	HR1916	Pusher	Thanh đẩy máy ép	420303614641	320,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
279	HR1916	Juice collector	Khay dẫn nước máy ép	420303614691	420,000
280	HR2001	blender jar	Ly sinh tố meca	420303584270	450,000
281	HR2001	jar lid	Nắp lớn sinh tố	420303584260	100,000
282	HR2011/2010	glass jar	Ly sinh tố thủy tinh	420303584420	620,000
283	HR2011/2010	jar lid	Nắp sinh tố	420303584410	130,000
284	HR2021	blender jar	Ly sinh tố meca	420303584390	490,000
285	HR2021	jar mill only for hr2021 hr2027	Ly xay khô	420303584320	320,000
286	HR2021	jar lid	Nắp lớn sinh tố	420303584380	100,000
287	HR2021	Blender knife	Dao sinh tố	420303584290	270,000
288	HR2021	knife unit	Dao xay khô	420303584340	230,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
289	HR2021	measuring cup 1 pcs	Nắp nhỏ sinh tố	420303584250	50,000
290	HR2021	sealing ring blender jar	Ron sinh tố	420303584280	50,000
291	HR2021	sealing ring	Ron dao xay khô	420303584330	80,000
292	HR2051/HR2056	Blender Jar including knife	Ly sinh tố gồm dao	996510076559	300,000
293	HR2051/HR2056	Jar lid	Nắp ly sinh tố (màu trắng)	996510074771	150,000
294	HR2056	Mill jar	Ly xay khô	996510074774	270,000
295	HR2056	Mill knife	Dao xay khô không ron	996510074772	150,000
296	HR2056	Sealing ring for mill	Ron dao xay khô	996510074766	100,000
297	HR2061/2068/2067	blender jar	Ly sinh tố	996510075759	300,000
299	HR2061/HR2068/HR2067/HR2115/HR2118	fruit filter 1 pcs	Lọc sinh tố	996510075741	230,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
300	HR2061/HR2068/HR2067/HR2115/HR2118	jar lid	Nắp lớn sinh tố	996510075761	100,000
301	HR2061/HR2068/HR2067/HR2115/HR2118	knife unit large mill	Dao xay khô	996510072839	270,000
302	HR2061/HR2068/HR2067/HR2115/HR2118	knife unit blender	Dao sinh tố	996510072842	230,000
303	HR2061/HR2068/HR2067/HR2115/HR2118	mill bowl	Ly xay khô	996510072844	180,000
304	HR2067	gearbox	Trục quay bộ vắt cam	996510075745	570,000
305	HR2067	sieve	Lược xác bộ vắt cam	420613656930	200,000
306	HR2067/HR2068	bowl	Ly vắt cam	420613396390	230,000
307	HR2068/2061	switch knob assy cable	Công tắc sinh tố	420303589620	490,000
308	HR2068/2118	chopper bowl	Ly xay thịt	996510075739	200,000
309	HR2068/2118	chopper knife assy	Dao xay thịt	996510075743	200,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
310	HR2068/2118	gearboardx chopper and citruspress	Trục quay ly xay thịt	996510075745	570,000
311	HR2071/2116	blender jar glass	Ly sinh tố thủy tinh	996510075747	400,000
312	HR2094	Interface new	Đế dao sinh tố (dòng đế cao)	996510059751	150,000
313	HR2094	housing alu new	Vỏ thân máy sinh tố	420303587140	620,000
314	HR2094	sealing ring new	Ron sinh tố	420303588290	80,000
315	HR2094/HR2084	knife unit new	Dao sinh tố (dòng đế cao)	420303588300	420,000
316	HR2096	knife unit jar and sealing ring	Dao sinh tố	996510076561	450,000
317	HR2096	driving coupling assy	Nhông máy	996510056474	150,000
318	HR2096	measuring cup	Nắp nhỏ sinh tố	996510056473	80,000
319	HR2096	spatula	Thanh khuấy máy sinh tố	996510061615	130,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
320	HR2096/HR2195	Glass jar	Ly sinh tố thủy tinh	996510074862	640,000
321	HR2096/HR2195	Jar Lid	Nắp lớn sinh tố (không gồm nắp nhỏ) 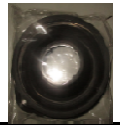	996510056467	230,000
322	HR2100/HR2104/HR2108	plastic jar	Ly sinh tố meka	996510056884	320,000
323	HR2100/HR2104/HR2108	measuring cup	Nắp sinh tố nhỏ	996510056896	80,000
324	HR2100/HR2104/HR2108	jar lid	Nắp sinh tố lớn	996510069924	130,000
325	HR2100/HR2104/HR2108	blade holder assy 5 star white	Dao sinh tố	996510070334	320,000
326	HR2100/HR2104/HR2108	seal ringwhite	Ron sinh tố (màu xám - dày)	996510072998	80,000
327	HR2104/HR2108	filter	Lọc xác máy sinh tố	996510070322	230,000
328	HR2104/HR2108	Mill jar	Ly xay khô	996510062426	150,000
329	HR2104/HR2108	mini chopper knife	Dao xay khô	996510060016	300,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
330	HR2106	Glass jar	Ly sinh tố thủy tinh	996510064389	620,000
331	HR2115/HR2116/HR2118	Mill bowl	Ly xay khô	996510072844	180,000
332	HR2115/HR2116/HR2118	Knife mill	Dao xay khô	996510072839	270,000
333	HR2115/HR2116/HR2118	Knife unit blender	Dao sinh tố	996510072842	230,000
334	HR2115/HR2116/HR2118	Measuring cup	Nắp nhỏ sinh tố	996510075757	80,000
335	HR2115/HR2118	Jar lid	Nắp lớn sinh tố	996510075761	100,000
336	HR2115/HR2118	Blender Jar	Ly sinh tố	996510075759	300,000
337	HR2116	jar lid	Nắp lớn sinh tố	996510075748	100,000
338	HR2116	Glass Jar	Ly sinh tố thủy tinh	996510075747	400,000
339	HR2118	Gearbox	Trục xay thịt	996510075745	570,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
340	HR2118	Chopper Lid	Nắp xay thịt	996510075744	180,000
341	HR2118	Bowl	Ly xay thịt	996510075739	200,000
342	HR2118	Fruit Filter	Lưới lọc	996510075741	230,000
343	HR2118	chopper knife for bowl	Dao xay thịt	996510075743	200,000
344	HR2157	Blender Jar	Ly sinh tố nhựa	996510078335	450,000
345	HR2157	Blender lid	Nắp lớn sinh tố (không gồm nắp nhỏ)	996510076904	150,000
346	HR2157	Measuring cup	Nắp nhỏ ly sinh tố	996510072862	100,000
347	HR2157	Knife	Dao sinh tố	996510076556	320,000
348	HR2195/2095/2096	Glass Jar	Ly thủy tinh	996510074862	640,000
349	HR2365	blending housing	Hộc nhựa máy làm mì	424121015751	300,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
350	HR2365	penne base	Khuôn đế máy làm mì - nui	424121016391	150,000
351	HR2365	penne insert	Khuôn đệm máy làm mì - nui	424121016741	130,000
352	HR2365	sharping mouth 25	Khuông làm mì Udon (sợi vuông)	424121016011	230,000
353	HR2365	sharping mouth 1635	Khuôn làm mì sợi dẹp nhỏ (mì ý)	424121016021	230,000
354	HR2365	sharping mouth 20	Khuôn làm mì/bún sợi tròn nhỏ	424121016001	230,000
355	HR2365	blending bar assy	Trục xay 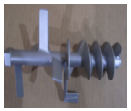	424121019612	450,000
356	HR2365	blending housing cover	Nắp đậy máy làm mì (nhựa trong) 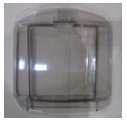	424121015741	230,000
357	HR2365	front panel golden	Nắp thân máy - hợp kim	424121015841	520,000
358	HR2365	Shaping dumpling	Khuôn làm lá hoành thánh (1.2)	424121016451	150,000
359	HR2365	Dumpling insert	Khuôn đệm làm lá hoành thánh (1.2)	424121016462	270,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
360	HR2365	Shaping mouth A	Khuôn sợi phở dẹp A	424121013121	150,000
361	HR2365	Shaping mouth C	Khuôn sợi bún tròn C	424121013141	150,000
362	HR2365	Shaping mouth D	Khuôn sợi bún tròn D	424121013151	180,000
363	HR2365	Angel Hair Noodle Kit Noodle maker acce	Khuôn làm bún/mì sợi nhuyễn	883241501710	250,000
364	HR2505	Motor including gearing	Motor gồm nhông máy	420303610881	670,000
365	HR2505	Onion chopper blade unit	Dao cắt củ quả (3 lưỡi)	420303610791	180,000
366	HR2505	Bowl	Ly xay thịt	420303615871	230,000
367	HR2505	Blade unit	Dao xay thịt (2 lưỡi)	420303610821	180,000
368	HR2738/2737	container	Ly vắt cam	420303602151	230,000
369	HR2744	cone	Trái khế máy vắt cam	420303593441	180,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
370	HR2874	choppe lid	Nắp ly xay khô	996510069451	80,000
371	HR2874	filter	Lọc sinh tố	996510069443	230,000
372	HR2874	knife unit for plastic jar	Dao sinh tố màu trắng (không ron)	996510069439	320,000
373	HR2874	seal ring for chopper	Ron sinh tố	996510069445	50,000
374	HR2874	Plastic Jar	Ly sinh tố	996510069468	250,000
375	HR3652	Glass Jar lid	Nắp lớn sinh tố (không gồm nắp nhỏ)	996510076847	250,000
376	HR3652	Blade holder	Đế ly sinh tố	996510077528	200,000
377	HR3652	Blender knife	Dao sinh tố	996510076842	640,000
378	HR3652	Measuring cup	Nắp nhỏ ly sinh tố	996510076843	100,000
379	HR3652	Glass Jar	Ly thủy tinh	996510076835	620,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
380	HR7620	tool holder	Trục trên dao máy xay củ quả	420306550620	100,000
381	HR7627	disc holder	Đế dao máy xay rau củ	996510057041	150,000
382	HR7627	Blade holder	Dao	996510057046	250,000
383	HR7627	Knife	Dao 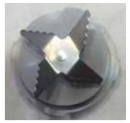	996510075467	300,000
384	HR7627	Knife	Ly xay đa năng (không nắp) trắng	996510074789	450,000
385	HR7915	bowl white	Thố đánh trứng (bằng nhựa)	996510061415	270,000
386	HR7915/HR7920	dough hook	Que trộn (hình lưỡi câu)	996510061459	300,000
387	HR7915/HR7920	Dough hook	Que trộn (hình lưỡi câu)	996510073659	300,000
388	HR7915/HR7920	Beater	Que nhào (tam giác)	996510061397	300,000
389	HR7920	Whisk asm	Que đánh trứng/kem	996510073283	200,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
390	HR7920	Spatula black	Thanh trộn bằng nhựa	996510061381	50,000
391	PQ206/207/217/AT600/225/HQ916…	Shaving heads (2 heads)	Dao cạo râu (2 lưỡi)	422203619631	320,000
392	QC5115	Cutter	Đầu dao tông đơ	422203617510	320,000
393	QC5115	Comb	Lược cắt tóc	422203617520	130,000
394	QT4005	CUTTER ASSY 32MM ASTERIX C MLU	Đầu cắt	422203631281	200,000
395	RQ1150	foldable stand	Đế sạc máy cạo râu	422203928711	270,000
396	RQ1150	Shaving heads (3 heads)	Dao cạo râu (3 lưỡi)	422203618481	640,000
397	S5070	Shaving head	Dao cạo râu (3 lưỡi)	422203625841	520,000
398	S5070	Shaving unit bottom part	Đầu chụp dao cạo râu	422203625751	300,000
399	S5070	Holder	Đệm lưỡi dao	422203625781	180,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
400	S5380	2pack Cleaning cartridge Dual	Dung dịch vệ sinh máy cạo râu	885030251710	300,000
401	SCF284	Lid with grip	Nắp đậy	420303595761	230,000
402	SCF284	Small basket	Rổ nhựa nhỏ	420303595781	270,000
403	SCF284	Large basket	Rổ nhựa lớn	420303595771	420,000
404	SCF292	Pump Massage Cushion	Đệm massage hình cánh hoa	421333440070	130,000
405	SCF292	silicone diaphragm	Đệm phễu hút sữa	421333440000	150,000
406	SCF301	Adaptor	Sạc (5.9V - 800mA)	424121040112	320,000
407	SCF301/SCF303	Silicone diaphragm	Đệm phễu hút sữa	424121040192	150,000
408	SCF301/SCF303/SCF900	Duckbill valve	Van máy hút sữa	424121000471	100,000
409	SCF301/SCF303/SCF900	Cushion	Đệm massage hình cánh hoa	424121000421	130,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
410	SCF301/SCF303/SCF900	Pump body	Phễu hút sữa	424133400171	100,000
411	SCF303	Adaptor	Sạc (5.9V - 1300mA)	424133400651	370,000
412	SCF330/332/334	jasmine standard cushion	Đệm massage hình cánh hoa	421333415142	130,000
413	SCF330/332/334	jasmine tab valve	Van máy hút sữa	421333430391	100,000
414	SCF330/332/334	Diaphragmstem spare	Đệm phễu hút sữa	421331301092	80,000
415	SCF332	funnel coverstand	Nắp đậy hình cánh hoa	421333415011	50,000
416	SCF860	container	Ly xay khô	996500032177	150,000
417	SCF860	blender cap	Nắp nhỏ sinh tố	996500032172	100,000
418	SCF860	jar lid	Nắp lớn sinh tố	996500032173	150,000
419	SCF862	Jar	Ly xay và hấp (không kèm nắp)	424134002181	570,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
420	SCF862	Jar Lid	Nắp xay và hấp	424134001771	270,000
421	SCF862	Basket	Giỏ hấp	424134001812	250,000
422	SCF862	Blade	Dao máy xay và hấp	424134001841	230,000
423	SCF862	Water tank cover	Nắp đậy	424134001301	180,000
424	SCF862	Blade sealing	Ron dao xay và hấp	424134001883	180,000
425	SCF862	Spatula	Thanh khuấy	424134001922	180,000
426	SCF870	blade holder	Dao máy xay và hấp	420303588950	300,000
427	SCF870	measuring cup 1 pcs	Ly đo lường	420303588940	130,000
428	SCF870	steam mesh	Nắp nhựa máy sinh tố (xanh lá)	420303588920	230,000
429	SCF870	top lid	Nắp trên máy xay và hấp (trắng)	420303594561	230,000

Stt	Model	Tên phụ kiện (tiếng Anh)	Tên phụ kiện (tiếng Việt)	Mã phụ kiện	Giá đề nghị
430	SCF870	valve part incl rubber seal	Van sinh tố gồm ron cao su	420303594891	130,000
431	SCF870	Transparent jar	Ly hấp và xay (không nắp)	420303594381	940,000
432	SCF875	blade assembly	Dao xay và hấp	424134000822	230,000
433	SCF875	Jar	Ly xay và hấp (không kèm nắp)	424134002231	860,000
434	SCF875	Jar Lid sealing	Vòng đệm nắp ly xay và hấp	424134000731	100,000
435	SCF875	Jar Lid assembly	Nắp trên ly xay và hấp	424134001201	200,000
436	SCF875	Rack assemnly	Nắp dưới ly xay và hấp	424134001212	100,000
437	SCF900	valve bulk BPA free	Van trắng	424121000471	100,000

Lưu ý: Giá và mã phụ kiện có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không thông báo trước, vui lòng cập nhật thường xuyên trên website: www.philips.com.vn
Những phụ kiện nào không có trong danh sách trên, vui lòng liên hệ với Trung Tâm Bảo Hành Philips gần nhất để tham khảo